

PHIẾU ĐÁNH GIÁ

Theo chức năng quản lý chuyên ngành đối với các sở, ban, ngành thuộc UBND tỉnh năm 2020

(Kèm theo văn bản số: /STTTT-VP ngày / /2020 của Sở Thông tin và Truyền thông)

Số TT	Đơn vị được đánh giá	Tiêu chí đánh giá ứng dụng CNTT trong quản lý điều hành					Tổng điểm tiêu chí	Điểm đánh giá	Nội dung thực hiện tốt	Nội dung thực hiện chưa tốt	Phân loại	Lý do đánh giá A+
		TC1	TC2	TC3	TC4	TC5						
1	Văn phòng UBND tỉnh	3	3	3	3	1,5	13,5	2,7	Thực hiện Kế hoạch Ứng dụng CNTT; thực hiện gửi nhận VBĐT; CBCCVC sử dụng phần mềm QLVB để xử lý công việc.		A+	Điểm đánh giá đạt từ 2.5 trở lên
2	Ban Dân tộc	3	2,85	3	3	1,5	13,35	2,67	Thực hiện Kế hoạch Ứng dụng CNTT; thực hiện gửi nhận VBĐT; CBCCVC sử dụng phần mềm QLVB để xử lý công việc.		A+	Điểm đánh giá đạt từ 2.5 trở lên
3	Ban Quản lý khu CN	3	3	3	3	3	15	3	Thực hiện Kế hoạch Ứng dụng CNTT; thực hiện gửi nhận VBĐT; CBCCVC sử dụng phần mềm QLVB để xử lý công việc; tiếp nhận và trả kết quả qua phần mềm Một cửa điện tử; thực hiện cung cấp DVCTT.		A+	Điểm đánh giá đạt từ 2.5 trở lên
4	Sở Công Thương	3	2,9	3	3	2,25	14,15	2,83	Thực hiện Kế hoạch Ứng dụng CNTT; thực hiện gửi nhận VBĐT; CBCCVC sử dụng phần mềm QLVB để xử lý công việc; tiếp nhận và trả kết quả qua phần mềm Một cửa điện tử; thực hiện cung cấp DVCTT.	Tỷ lệ DVCTT mức độ 3, 4 phát sinh hồ sơ chưa đạt.	A+	Điểm đánh giá đạt từ 2.5 trở lên

Số TT	Đơn vị được đánh giá	Tiêu chí đánh giá ứng dụng CNTT trong quản lý điều hành					Tổng điểm tiêu chí	Điểm đánh giá	Nội dung thực hiện tốt	Nội dung thực hiện chưa tốt	Phân loại	Lý do đánh giá A+
		TC1	TC2	TC3	TC4	TC5						
5	Sở Giáo dục và Đào tạo	3	3	3	3	1,52	13,52	2,7	Thực hiện Kế hoạch Ứng dụng CNTT; thực hiện gửi nhận VBĐT; CBCCVC sử dụng phần mềm QLVB để xử lý công việc; tiếp nhận và trả kết quả qua phần mềm Một cửa điện tử.	Tỷ lệ DVCTT mức độ 3, 4 phát sinh hồ sơ và tỷ lệ hồ sơ DVCTT mức độ 3, 4 chưa đạt.	A ⁺	Điểm đánh giá đạt từ 2.5 trở lên
6	Sở Giao thông - Vận tải	3	2,94	3	3	1,52	13,46	2,69	Thực hiện Kế hoạch Ứng dụng CNTT; thực hiện gửi nhận VBĐT; CBCCVC sử dụng phần mềm QLVB để xử lý công việc; tiếp nhận và trả kết quả qua phần mềm Một cửa điện tử; thực hiện cung cấp DVCTT.	Tỷ lệ hồ sơ DVCTT mức độ 3, 4 năm 2020 thấp hơn năm 2019.	A ⁺	Điểm đánh giá đạt từ 2.5 trở lên
7	Sở Kế hoạch và Đầu tư	3	2,96	3	3	3	14,96	2,99	Thực hiện Kế hoạch Ứng dụng CNTT; thực hiện gửi nhận VBĐT; CBCCVC sử dụng phần mềm QLVB để xử lý công việc; tiếp nhận và trả kết quả qua phần mềm Một cửa điện tử; thực hiện cung cấp DVCTT.		A ⁺	Điểm đánh giá đạt từ 2.5 trở lên
8	Sở Khoa học và Công nghệ	3	2,98	3	3	2,5	14,48	2,90	Thực hiện Kế hoạch Ứng dụng CNTT; thực hiện gửi nhận VBĐT; CBCCVC sử dụng phần mềm QLVB để xử lý công việc; tiếp nhận và trả kết quả qua phần mềm Một cửa điện tử; thực hiện cung cấp DVCTT.	Tỷ lệ DVCTT mức độ 3, 4 phát sinh hồ sơ chưa đạt.	A ⁺	Điểm đánh giá đạt từ 2.5 trở lên

Số TT	Đơn vị được đánh giá	Tiêu chí đánh giá ứng dụng CNTT trong quản lý điều hành					Tổng điểm tiêu chí	Điểm đánh giá	Nội dung thực hiện tốt	Nội dung thực hiện chưa tốt	Phân loại	Lý do đánh giá A+
		TC1	TC2	TC3	TC4	TC5						
9	Sở Lao động Thương binh và Xã hội	3	2,85	3	3	3	14,85	2,97	Thực hiện Kế hoạch Ứng dụng CNTT; thực hiện gửi nhận VBĐT; CBCCVC sử dụng phần mềm QLVB để xử lý công việc; tiếp nhận và trả kết quả qua phần mềm Một cửa điện tử; thực hiện cung cấp DVCTT.		A ⁺	Điểm đánh giá đạt từ 2.5 trở lên
10	Sở Ngoại vụ	3	2,85	3	3	2,5	14,35	2,87	Thực hiện Kế hoạch Ứng dụng CNTT; thực hiện gửi nhận VBĐT; CBCCVC sử dụng phần mềm QLVB để xử lý công việc; tiếp nhận và trả kết quả qua phần mềm Một cửa điện tử; thực hiện cung cấp DVCTT.	Tỷ lệ DVCTT mức độ 3, 4 phát sinh hồ sơ chưa đạt.	A ⁺	Điểm đánh giá đạt từ 2.5 trở lên
11	Sở Nội vụ	3	3	3	3	2,5	14,5	2,9	Tham mưu thực hiện Kế hoạch Ứng dụng CNTT; thực hiện gửi nhận VBĐT; CBCCVC sử dụng phần mềm QLVB để xử lý công việc; tiếp nhận và trả kết quả qua phần mềm Một cửa điện tử; thực hiện cung cấp DVCTT.	Tỷ lệ DVCTT mức độ 3, 4 phát sinh hồ sơ chưa đạt.	A ⁺	Điểm đánh giá đạt từ 2.5 trở lên
12	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	3	3	3	3	2,41	14,41	2,88	Tham mưu thực hiện Kế hoạch Ứng dụng CNTT; thực hiện gửi nhận VBĐT; CBCCVC sử dụng phần mềm QLVB để xử lý công việc; tiếp nhận và trả kết quả qua phần mềm Một cửa điện tử.	Tỷ lệ DVCTT mức độ 3, 4 phát sinh hồ sơ và tỷ lệ hồ sơ DVCTT mức độ 3, 4 chưa đạt.	A ⁺	Điểm đánh giá đạt từ 2.5 trở lên

Số TT	Đơn vị được đánh giá	Tiêu chí đánh giá ứng dụng CNTT trong quản lý điều hành					Tổng điểm tiêu chí	Điểm đánh giá	Nội dung thực hiện tốt	Nội dung thực hiện chưa tốt	Phân loại	Lý do đánh giá A+
		TC1	TC2	TC3	TC4	TC5						
13	Sở Tài chính	3	3	3	3	2	14	2,8	Tham mưu thực hiện Kế hoạch Ứng dụng CNTT; thực hiện gửi nhận VBĐT; CBCCVVC sử dụng phần mềm QLVB để xử lý công việc; tiếp nhận và trả kết quả qua phần mềm Một cửa điện tử; thực hiện cung cấp DVCTT.	Tỷ lệ hồ sơ DVCTT mức độ 3, 4 năm 2020 thấp hơn năm 2019.	A+	Điểm đánh giá đạt từ 2.5 trở lên
14	Sở Tài nguyên & Môi trường	3	2,99	3	3	0	11,99	2,4	Tham mưu thực hiện Kế hoạch Ứng dụng CNTT; thực hiện gửi nhận VBĐT; CBCCVVC sử dụng phần mềm QLVB để xử lý công việc; tiếp nhận và trả kết quả qua phần mềm Một cửa điện tử.	Thực hiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến	A	Điểm đánh giá đạt từ 2.5 trở lên
15	Sở Thông tin và Truyền thông	3	3	3	3	2,5	14,5	2,9	Tham mưu thực hiện Kế hoạch Ứng dụng CNTT; thực hiện gửi nhận VBĐT; CBCCVVC sử dụng phần mềm QLVB để xử lý công việc; tiếp nhận và trả kết quả qua phần mềm Một cửa điện tử; thực hiện cung cấp DVCTT.	Tỷ lệ DVCTT mức độ 3, 4 phát sinh hồ sơ chưa đạt.	A+	Điểm đánh giá đạt từ 2.5 trở lên
16	Sở Tư pháp	3	3	3	3	1,25	13,25	2,65	Tham mưu thực hiện Kế hoạch Ứng dụng CNTT; thực hiện gửi nhận VBĐT; CBCCVVC sử dụng phần mềm QLVB để xử lý công việc; tiếp nhận và trả kết quả qua phần mềm Một cửa điện tử.	Tỷ lệ DVCTT mức độ 3, 4 phát sinh hồ sơ và tỷ lệ hồ sơ DVCTT mức độ 3, 4 chưa đạt.	A+	Điểm đánh giá đạt từ 2.5 trở lên
17	Sở Văn hóa Thể thao và	3	2,85	3	3	2,5	14,35	2,87	Thực hiện Kế hoạch Ứng dụng CNTT; thực hiện gửi nhận	Tỷ lệ DVCTT mức độ 3, 4 phát	A+	Điểm đánh giá

Số TT	Đơn vị được đánh giá	Tiêu chí đánh giá ứng dụng CNTT trong quản lý điều hành					Tổng điểm tiêu chí	Điểm đánh giá	Nội dung thực hiện tốt	Nội dung thực hiện chưa tốt	Phân loại	Lý do đánh giá A+
		TC1	TC2	TC3	TC4	TC5						
	Du lịch								VBĐT; CBCCVC sử dụng phần mềm QLVB để xử lý công việc; tiếp nhận và trả kết quả qua phần mềm Một cửa điện tử; thực hiện cung cấp DVCTT.	sinh hồ sơ chưa đạt.		đạt từ 2.5 trở lên
18	Sở Xây dựng	3	2,94	3	3	0	11,94	2,39	Thực hiện Kế hoạch Ứng dụng CNTT; thực hiện gửi nhận VBĐT; CBCCVC sử dụng phần mềm QLVB để xử lý công việc; tiếp nhận và trả kết quả qua phần mềm Một cửa điện tử.	Thực hiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến	A	Điểm đánh giá đạt từ 2.5 trở lên
19	Sở Y tế	3	3	3	3	2,76	14,76	2,95	Thực hiện Kế hoạch Ứng dụng CNTT; thực hiện gửi nhận VBĐT; CBCCVC sử dụng phần mềm QLVB để xử lý công việc; tiếp nhận và trả kết quả qua phần mềm Một cửa điện tử; thực hiện cung cấp DVCTT.	Tỷ lệ hồ sơ DVCTT mức độ 3, 4 chưa đạt 30%.	A ⁺	Điểm đánh giá đạt từ 2.5 trở lên
20	Thanh tra tỉnh	3	3	3	3	1,5	13,5	2,7	Thực hiện Kế hoạch Ứng dụng CNTT; thực hiện gửi nhận VBĐT; CBCCVC sử dụng phần mềm QLVB để xử lý công việc.		A ⁺	Điểm đánh giá đạt từ 2.5 trở lên
21	Ban Quản lý Khu công nghệ cao Công nghệ sinh học	3	3	3	3	1,5	13,5	2,7	Thực hiện Kế hoạch Ứng dụng CNTT; thực hiện gửi nhận VBĐT; CBCCVC sử dụng phần mềm QLVB để xử lý công việc.		A ⁺	Điểm đánh giá đạt từ 2.5 trở lên